第九課：放假去哪裡玩？

一、 為左面的句子選擇合適的回應句。

A. 這個是個很好的機會，但我對自己的游泳成績不太滿意	1: 這次比賽，世界很多國家的運動員都來參加。
B. 我剛才在電梯門口遇到經理了	2：外面的風刮真大。
C. 這兒的冬天就是這樣，慢慢你就習慣了	3：你那個太舊了，換一個新的，就兩三千塊錢。
D. 我的電腦又不能用了，你來幫我看看吧	4： 孩子已經 18 歲了，知道怎麼照顧自己。
E. 當然。我們先坐公共汽車，然後換地鐵	5：他讓我告訴你，下午兩點半在公司會議室開會。
F. 你們就別擔心了	6: 你知道怎麼去哪兒嗎？

二、使用在（）的詞語回答問題

1. 你打算什麼時候去台灣留學？ （下個月）

_____.

2. 你學多久的中文了？（兩個月）

_____.

3. 每天你花多長時間寫功課？ （2 個小時）

LIVEWORKSHEETS

_____.

4. 我都等你三十分鐘了，你什麼時候才到？（5 分鐘后）

_____.

5. 有空的時候，你常做什麼？（有時候）

_____.

三、句子重組

1. 今年/暑假/三個月/放/的/我們

_____.

2. 聽說/海南/美麗/風景/也/很/那裡/的

_____.

3. 我/週末/上個/去/兩天/台北/玩/跟/哥哥/了

_____.

4. 沒空/跟/去 KTV/一個/我/你們/唱/晚上/的/歌

_____.

5. 還/決定/放假/去/的時候/我們/沒/玩/哪裡

_____.

四、翻譯成中文

1. Tuần sau chúng tôi nghỉ 7 ngày, dự định đi đến Đài Bắc chơi bằng tàu điện ngầm.

_____.

LIVEWORKSHEETS

2. Cuối tuần chúng tôi dự định đi đến rạp chiếu phim xem phim Đài Loan học tiếng Trung.

_____.

3. Nghe nói phong cảnh tháng 9 ở Đài Trung rất đẹp, tôi muốn đi xem thử.

_____.

4. Khi có thời gian rảnh tôi có lúc ở nhà làm bài tập, có lúc thì đi đá bóng với bạn.

_____.

5. Từ đây đến trạm xe lửa phải đi ô tô khoảng 1 tiếng đồng hồ.

_____.

LIVEWORKSHEETS